

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSBT-PCBTN
V/v điều chỉnh đối tượng tiêm
chủng mở rộng năm 2025.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế;
- Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế ban hành kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2025.

Để có số liệu đánh giá kết quả hoạt động TCMR sát với thực tế đối tượng tiêm chủng của các địa phương, đơn vị trong năm 2025. Ngày 05/11/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá có công văn số 1794/KSBT-PCBTN để chỉ đạo các Trung tâm Y tế trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai tổ chức tiêm chủng và rà soát, điều chỉnh đăng ký đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2025. Căn cứ văn bản đăng ký của các Trung tâm Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá tổng hợp rà soát và điều chỉnh đăng ký đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2025 của các địa phương trên địa bàn tỉnh, theo đó có sự chênh lệch so với số đối tượng tại Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế.

(Có phụ lục 1,2 chi tiết kèm theo).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá kính đề nghị Cục Phòng bệnh – Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương xem xét cập nhật đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (báo cáo);
- UBND các xã, phường (để biết);
- Trung tâm y tế trên địa bàn (để biết);
- Ban giám đốc TT KSBT (biết chỉ đạo);
- Phòng KH-NV;
- Lưu: VT, PCBTN.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Bình Yên

Phục lục 1:**ĐIỀU CHỈNH ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ**

TT	Đối tượng	Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT	Số liệu điều chỉnh	Ghi chú
1	Trẻ em dưới 01 tuổi	53.553	47.259	
2	Trẻ em 18 tháng tuổi			
+	Tiêm DPT	53.608	50.856	
+	Tiêm MR	53.608	43.995	
3	Trẻ em 7 tuổi	67.794	64.076	
4	Phụ nữ có thai	53.765	47.984	
5	Trẻ tiêm viêm não Nhật bản 2 mũi	-	50.383	
6	Trẻ tiêm viêm não Nhật bản mũi 3	-	51.076	

Phục lục 2:

ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2025 TỈNH THANH HOÁ THEO ĐỊA PHƯƠNG

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
Tổng			47.259	1.487	50.856	1.578	43.995	1.293	50.383	1.582	51.076	1.674	64.076	2.019	47.984	1.491
1	Phường Hạc Thành	TYT Ngọc Trạo	121	0	125	0	125	0	120	0	123	0	316	0	122	0
		TYT Trường Thi	120	0	175	0	175	0	155	0	164	0	360	0	121	0
		TYT Điện Biên	85	0	102	0	102	0	105	0	95	0	337	0	86	0
		TYT Phú Sơn	214	0	299	0	299	0	292	0	329	0	491	0	216	0
		TYT Ba Đình	115	0	153	0	153	0	153	0	148	0	380	0	120	0
		TYT Đông Hải	209	0	205	0	205	0	198	0	194	0	196	0	210	0
		TYT Lam Sơn	163	0	165	0	165	0	160	0	148	0	171	0	165	0
		TYT Đông Vệ	376	0	399	0	399	0	415	0	403	0	519	0	377	0
		TYT Đông Sơn	124	0	130	0	130	0	131	0	125	0	202	0	125	0
		TYT Đông Hương	219	0	191	0	191	0	221	0	201	0	135	0	220	0
		Cộng	1.746	0	1.944	0	1.944	0	1.950	0	1.930	0	3.107	0	1.762	0
2	Phường Hàm Rồng	TYT Đông Thọ	255	0	278	0	278	0	285	0	287	0	342	0	256	0
		TYT Hàm Rồng	55	0	58	0	58	0	60	0	58	0	103	0	56	0
		TYT Đông Cương	130	0	155	0	155	0	160	0	133	0	175	0	135	0
		TYT Nam Ngạn	147	0	150	0	150	0	170	0	145	0	114	0	148	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Thiệu Dương	132	0	127	0	127	0	128	0	159	0	191	0	133	0
		Cộng	719	0	768	0	768	0	803	0	782	0	925	0	728	0
		TYT Tào Xuyên	113	0	128	0	128	0	128	0	132	0	123	0	114	0
3	Phường Nguyệt Viên	TYT Long Anh	101	0	117	0	117	0	121	0	119	0	168	0	102	0
		TYT Hoàng Quang	89	0	99	0	99	0	89	0	100	0	119	0	90	0
		TYT Hoàng Đại	59	0	74	0	74	0	82	0	72	0	79	0	60	0
		Cộng	362	0	418	0	418	0	420	0	423	0	489	0	366	0
		TYT Quảng Thành	195	0	254	0	254	0	241	0	236	0	250	0	196	0
4	Phường Quảng Phú	TYT Quảng Hưng	129	0	170	0	170	0	186	0	159	0	202	0	129	0
		TYT Quảng Thịnh	109	0	125	0	125	0	110	0	111	0	75	0	110	0
		TYT Quảng Đông	83	0	91	0	91	0	90	0	92	0	140	0	89	0
		TYT Quảng Phú	125	0	152	0	152	0	147	0	152	0	176	0	127	0
		TYT Quảng Tâm	95	0	126	0	126	0	125	0	129	0	196	0	98	0
		TYT Quảng Cát	146	0	153	0	153	0	152	0	162	0	218	0	147	0
		Cộng	882	0	1.071	0	1.071	0	1.051	0	1.041	0	1.257	0	896	0
		TYT Đông Tân	88	0	95	0	95	0	96	0	97	0	113	0	90	0
5	Phường Đông Sơn	TYT Rừng Thông	130	0	120	0	120	0	140	0	130	0	115	0	132	0
		TYT Đông Hoàng	56	0	63	0	63	0	62	0	59	0	88	0	56	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Đông Ninh	94	0	85	0	85	0	110	0	95	0	97	0	94	0
		TYT Đông Khê	105	0	110	0	110	0	125	0	100	0	80	0	107	0
		TYT Đông Hòa	75	0	85	0	85	0	80	0	80	0	85	0	75	0
		TYT Đông Minh	65	0	75	0	75	0	75	0	80	0	95	0	70	0
		TYT Đông Thịnh	54	0	74	0	74	0	74	0	72	0	80	0	56	0
		Cộng	667	0	707	0	707	0	762	0	713	0	753	0	680	0
6	Phường Đông Quang	TYT An Hưng	189	0	187	0	187	0	184	0	170	0	181	0	191	0
		TYT Quảng Thắng	115	0	155	0	155	0	153	0	148	0	153	0	116	0
		TYT Đông Vinh	40	0	42	0	52	0	40	0	42	0	46	0	40	0
		TYT Đông Yên	72	0	70	0	70	0	80	0	65	0	65	0	72	0
		TYT Đông Văn	51	0	61	0	61	0	58	0	60	0	87	0	60	0
		TYT Đông Phú	58	0	50	0	50	0	49	0	46	0	69	0	58	0
		TYT Đông Nam	68	0	85	0	85	0	85	0	85	0	93	0	70	0
		TYT Đông Quang	62	0	68	0	68	0	66	0	75	0	70	0	64	0
		Cộng	655	0	718	0	728	0	715	0	691	0	764	0	671	0
7	Phường Đông Tiến	TYT Đông Lĩnh	100	0	113	0	113	0	112	0	110	0	113	0	101	0
		TYT Thiệu Khánh	109	0	114	0	114	0	112	0	109	0	152	0	110	0
		TYT Thiệu Vân	39	0	37	0	37	0	45	0	35	0	43	0	40	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Đông Thanh	80	0	80	0	80	0	77	0	80	0	99	0	80	0
		TYT Đông Tiến	81	0	74	0	74	0	82	0	67	0	95	0	81	0
		TYT Tân Châu	54	0	70	0	63	0	82	0	72	0	87	0	54	0
		TYT Thiệu Giao	30	0	20	0	20	0	28	0	26	0	39	0	27	0
		Cộng	493	0	508	0	501	0	538	0	499	0	628	0	493	0
8	Xã An Nông	TYT An Nông	66	0	67	0	67	0	68	0	62	0	107	0	63	0
		TYT Khuyến Nông	72	0	75	0	75	0	75	0	74	0	100	0	75	0
		TYT Nông Trường	56	0	71	0	71	0	70	0	70	0	70	0	65	0
		TYT Tiến Nông	56	0	65	0	65	0	60	0	62	0	75	0	60	0
		Cộng	250	0	278	0	278	0	273	0	268	0	352	0	263	0
9	Xã Đông Tiến	TYT Đông Lợi	90	0	90	0	90	0	94	0	94	0	95	0	90	0
		TYT Đông Tiến	95	0	118	0	118	0	125	0	120	0	100	0	95	0
		TYT Đông Thắng	65	0	68	0	66	0	65	0	65	0	67	0	65	0
		Cộng	250	0	276	0	274	0	284	0	279	0	262	0	250	0
10	Xã Hợp Tiến	TYT Hợp Lý	62	0	75	0	75	0	79	0	79	0	100	0	56	0
		TYT Hợp Tiến	45	0	55	0	55	0	57	0	57	0	50	0	45	0
		TYT Hợp Thành	72	0	78	0	78	0	73	0	80	0	91	0	75	0
		TYT Hợp Thắng	64	0	82	0	82	0	82	0	85	0	110	0	78	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Triệu Thành	60	0	72	0	70	0	85	0	67	0	96	0	60	0
		Cộng	303	0	362	0	360	0	376	0	368	0	447	0	314	0
11	Xã Tân Ninh	TYT Thái Hòa	85	0	82	0	78	0	85	0	78	0	97	0	85	0
		TYT Nưa	80	0	77	0	77	0	89	0	96	0	128	0	80	0
		TYT Vân Sơn	62	0	83	0	83	0	83	0	78	0	87	0	70	0
		Cộng	227	0	242	0	238	0	257	0	252	0	312	0	235	0
12	Xã Thọ Bình	TYT Bình Sơn	41	0	43	0	43	0	41	0	41	0	42	0	42	0
		TYT Thọ Bình	120	0	120	0	95	0	126	0	124	0	160	0	140	0
		TYT Thọ Sơn	62	0	75	0	75	0	72	0	75	0	80	0	75	0
		Cộng	223	0	238	0	213	0	239	0	240	0	282	0	257	0
13	Xã Thọ Ngọc	TYT Thọ Cường	65	0	65	0	65	0	65	0	68	0	88	0	60	0
		TYT Thọ Ngọc	70	0	65	0	65	0	70	0	70	0	72	0	72	0
		TYT Thọ Tiến	64	0	70	0	70	0	69	0	70	0	70	0	78	0
		TYT Xuân Thọ	60	0	60	0	60	0	60	0	60	0	81	0	60	0
		Cộng	259	0	260	0	260	0	264	0	268	0	311	0	270	0
14	Xã Thọ Phú	TYT Thọ Dân	90	0	90	0	82	0	86	0	86	0	136	0	90	0
		TYT Thọ Phú	81	0	109	0	109	0	85	0	109	0	159	0	88	0
		TYT Thọ Tân	61	0	60	0	60	0	62	0	65	0	80	0	50	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Thọ Thế	43	0	50	0	50	0	50	0	50	0	80	0	50	0
		TYT Xuân Lộc	95	0	92	0	92	0	92	0	91	0	90	0	92	0
		Cộng	370	0	401	0	393	0	375	0	401	0	545	0	370	0
		TYT Dân Lục	70	0	70	0	70	0	75	0	75	0	80	0	60	0
15	Xã Triệu Sơn	TYT Dân Lý	92	0	95	0	95	0	95	0	89	0	150	0	83	0
		TYT Dân Quyền	120	0	125	0	125	0	120	0	120	0	166	0	122	0
		TYT Minh Sơn	70	0	75	0	67	0	75	0	60	0	56	0	50	0
		TYT Triệu Sơn	180	0	180	0	180	0	200	0	170	0	225	0	215	0
		Cộng	532	0	545	0	537	0	565	0	514	0	677	0	530	0
		TYT Thiệu Toán	58	0	53	0	53	0	57	0	55	0	53	0	55	0
16	Xã Thiệu Toán	TYT Thiệu Chính	56	0	62	0	60	0	62	0	69	0	64	0	56	0
		TYT Hậu Hiền	95	0	103	0	103	0	102	0	102	0	145	0	90	0
		TYT Thiệu Hòa	75	0	78	0	54	0	76	0	78	0	105	0	72	0
		Cộng	284	0	296	0	270	0	297	0	304	0	367	0	273	0
		TYT Thiệu Viên	62	0	65	0	48	0	68	0	65	0	86	0	62	0
17	Xã Thiệu Trung	TYT Thiệu Lý	68	0	72	0	70	0	63	0	65	0	106	0	70	0
		TYT Thiệu Vận	126	0	117	0	113	0	114	0	115	0	197	0	120	0
		TYT Thiệu Trung	70	0	70	0	65	0	65	0	70	0	95	0	72	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		Cộng	326	0	324	0	296	0	310	0	315	0	484	0	324	0
18	Xã Thiệu Tiến	TYT Thiệu Ngọc	65	0	60	0	60	0	60	0	65	0	71	0	70	0
		TYT Thiệu Vũ	70	0	70	0	70	0	70	0	70	0	77	0	70	0
		TYT Thiệu Tiến	84	0	84	0	76	0	86	0	81	0	94	0	84	0
		TYT Thiệu Thành	62	0	85	0	47	0	95	0	93	0	88	0	81	0
		Cộng	281	0	299	0	253	0	311	0	309	0	330	0	305	0
19	Xã Thiệu Hóa	TYT Thiệu Công	86	0	95	0	81	0	98	0	94	0	113	0	89	0
		TYT Thiệu Phúc	52	0	70	0	68	0	69	0	67	0	71	0	53	0
		TYT Thiệu Long	113	0	112	0	88	0	113	0	114	0	112	0	113	0
		TYT Thiệu Hóa	227	0	222	0	212	0	225	0	255	0	286	0	226	0
		TYT Thiệu Nguyên	110	0	125	0	115	0	116	0	114	0	151	0	100	0
		Cộng	588	0	624	0	564	0	621	0	644	0	733	0	581	0
20	Xã Thiệu Quang	TYT Thiệu Duy	80	0	100	0	93	0	102	0	102	0	130	0	88	0
		TYT Thiệu Giang	82	0	82	0	75	0	82	0	82	0	71	0	89	0
		TYT Thiệu Hợp	92	0	91	0	83	0	92	0	97	0	97	0	98	0
		TYT Thiệu Thịnh	38	0	38	0	30	0	40	0	38	0	50	0	40	0
		TYT Thiệu Quang	47	0	65	0	58	0	61	0	67	0	68	0	50	0
		Cộng	339	0	376	0	339	0	377	0	386	0	416	0	365	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
21	Xã Hoằng Giang	TYT Hoằng Xuân	90	0	92	0	86	0	90	0	98	0	103	0	90	0
		TYT Hoằng Giang	130	0	110	0	90	0	115	0	110	0	167	0	130	0
		TYT Hoằng Quý	95	0	92	0	92	0	105	0	105	0	105	0	95	0
		TYT Hoằng Hợp	65	0	64	0	64	0	64	0	58	0	92	0	65	0
		Cộng	380	0	358	0	332	0	374	0	371	0	467	0	380	0
22	Xã Hoằng Phú	TYT Hoằng Phú	39		52		40		61		50		58		39	0
		TYT Hoằng Quý	47		60		46		51		45		76		47	0
		TYT Hoằng Kim	87		98		110		105		100		118		87	0
		TYT Hoằng Trung	50		72		68		70		70		92		50	0
		Cộng	223	0	282	0	264	0	287	0	265	0	344	0	223	0
23	Xã Hoằng Sơn	TYT Hoằng Trinh	98		106		106		109		98		115		100	0
		TYT Hoằng Sơn	90		95		92		112		110		102		93	0
		TYT Hoằng Xuyên	65		68		68		65		70		114		65	0
		TYT Hoằng Cát	67		68		75		70		56		102		67	0
		Cộng	320	0	337	0	341	0	356	0	334	0	433	0	325	0
24	Xã Hoằng Hóa	TYT Hoằng Đức	80	0	90	0	98	0	90	0	90	0	120	0	85	0
		TYT Hoằng Hà	34		43		37		43		40		44		34	0
		TYT Hoằng Đạt	43	0	45	0	45	0	45	0	45	0	76	0	43	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Bút Sơn	150	0	160	0	145	0	165	0	170	0	360	0	150	0
		TYT Hoằng Đồng	55	0	52	0	58	0	56	0	57	0	56	0	55	0
		TYT Hoằng Đạo	50	0	45	0	45	0	52	0	50	0	80	0	50	0
		Cộng	412	0	435	0	428	0	451	0	452	0	736	0	417	0
25	Xã Hoằng Châu	TYT Hoằng Thắng	75	0	81	0	75	0	95	0	85	0	60	0	75	0
		TYT Hoằng Phong	118	0	115	0	115	0	115	0	115	0	102	0	120	0
		TYT Hoằng Lưu	60	0	63	0	92	0	95	0	85	0	118	0	60	0
		TYT Hoằng Châu	120	0	120	0	110	0	110	0	110	0	191	0	125	0
		Cộng	373	0	379	0	392	0	415	0	395	0	471	0	380	0
26	Xã Hoằng Lộc	TYT Hoằng Thịnh	95	0	75	0	62	0	91	0	75	0	155	0	95	0
		TYT Hoằng Thái	62	0	75	0	70	0	68	0	70	0	103	0	65	0
		TYT Hoằng Lộc	71	0	85	0	78	0	80	0	58	0	116	0	71	0
		TYT Hoằng Thành	62	0	95	0	80	0	77	0	75	0	69	0	62	0
		TYT Hoằng Trạch	58	0	67	0	67	0	62	0	62	0	78	0	58	0
		TYT Hoằng Tân	70	0	70	0	70	0	70	0	55	0	70	0	70	0
		Cộng	418	0	467	0	427	0	448	0	395	0	591	0	421	0
27	Xã Hoằng Tiến	TYT Hoằng Yên	43	0	40	0	40	0	52	0	45	0	60	0	43	0
		TYT Hoằng Tiến	115	0	120	0	120	0	115	0	120	0	115	0	115	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Hoàng Hải	48	0	63	0	55	0	64	0	60	0	101	0	48	0
		TYT Hoàng Trường	150	0	182	0	182	0	182	0	150	0	270	0	150	0
		Cộng	356	0	405	0	397	0	413	0	375	0	546	0	356	0
		TYT Hoàng Đông	68	0	83	0	69	0	75	0	72	0	95	0	68	0
28	Xã Hoàng Thanh	TYT Hoàng Thanh	155	0	118	0	115	0	125	0	135	0	202	0	155	0
		TYT Hoàng Ngọc	80	0	75	0	75	0	85	0	87	0	169	0	80	0
		TYT Hoàng Phụ	145	0	152	0	152	0	154	0	153	0	219	0	145	0
		Cộng	448	0	428	0	411	0	439	0	447	0	685	0	448	0
		TYT Thuần Lộc	93	0	105	0	78	0	105	0	105	0	120	0	95	0
29	Xã Hậu Lộc	TYT Mỹ Lộc	65	0	65	0	65	0	70	0	65	0	84	0	66	0
		TYT Lộc Sơn	70	0	70	0	68	0	72	0	70	0	74	0	70	0
		TYT Hậu Lộc	180	0	177	0	169	0	180	0	180	0	246	0	181	0
		Cộng	408	0	417	0	380	0	427	0	420	0	524	0	412	0
		TYT Triệu Lộc	130	0	130	0	118	0	130	0	130	0	178	0	132	0
30	Xã Triệu Lộc	TYT Đại Lộc	74	0	70	0	65	0	72	0	70	0	77	0	76	0
		TYT Tiến Lộc	132	0	128	0	115	0	130	0	133	0	125	0	135	0
		Cộng	336	0	328	0	298	0	332	0	333	0	380	0	343	0
		TYT Cầu Lộc	100	0	121	0	110	0	121	0	125	0	135	0	100	0
31	Xã Đông Thành	TYT Cầu Lộc	100	0	121	0	110	0	121	0	125	0	135	0	100	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Tuy Lộc	121	0	118	0	108	0	125	0	128	0	123	0	121	0
		TYT Đồng Lộc	65	0	60	0	53	0	65	0	65	0	73	0	65	0
		TYT Thành Lộc	85	0	100	0	90	0	88	0	103	0	140	0	86	0
		Cộng	371	0	399	0	361	0	399	0	421	0	471	0	372	0
32	Xã Hoa Lộc	TYT Hoa Lộc	67	0	65	0	55	0	65	0	65	0	77	0	68	0
		TYT Hòa Lộc	190	0	187	0	175	0	165	0	193	0	145	0	191	0
		TYT Phú Lộc	68	0	65	0	60	0	70	0	70	0	80	0	70	0
		TYT Xuân Lộc	78	0	79	0	71	0	85	0	82	0	76	0	80	0
		TYT Liên Lộc	60	0	60	0	56	0	56	0	55	0	59	0	60	0
		TYT Quang Lộc	70	0	65	0	60	0	70	0	70	0	80	0	70	0
		Cộng	533	0	521	0	477	0	511	0	535	0	517	0	539	0
33	Xã Vạn Lộc	TYT Đa Lộc	122	0	112	0	105	0	125	0	135	0	130	0	124	0
		TYT Ngự Lộc	276	0	256	0	256	0	256	0	260	0	295	0	278	0
		TYT Minh Lộc	192	0	187	0	181	0	210	0	231	0	261	0	192	0
		TYT Hưng Lộc	198	0	191	0	145	0	193	0	170	0	232	0	201	0
		TYT Hải Lộc	137	0	140	0	109	0	141	0	145	0	155	0	137	0
		Cộng	925	0	886	0	796	0	925	0	941	0	1.073	0	932	0
34	Xã Ba Đình	TYT Ba Đình	85	0	75	0	45	0	75	0	70	0	90	0	80	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Nga Trường	60	0	60	0	55	0	70	0	67	0	87	0	60	0
		TYT Nga Vĩnh	60	0	65	0	38	0	65	0	65	0	57	0	55	0
		TYT Nga Thiện	65	0	62	0	49	0	60	0	60	0	100	0	65	0
		Cộng	270	0	262	0	187	0	270	0	262	0	334	0	260	0
35	Xã Nga An	TYT Nga An	98	0	105	0	88	0	101	0	105	0	116	0	120	0
		TYT Nga Phú	88	0	90	0	78	0	90	0	90	0	120	0	89	0
		TYT Nga Điền	98	0	100	0	62	0	100	0	105	0	121	0	100	0
		Cộng	284	0	295	0	228	0	291	0	300	0	357	0	309	0
36	Xã Hồ Vương	TYT Nga Giáp	70	0	72	0	42	0	63	0	75	0	101	0	70	0
		TYT Nga Hải	65	0	76	0	56	0	71	0	73	0	192	0	73	0
		TYT Nga Liên	120	0	120	0	97	0	115	0	120	0	135	0	130	0
		TYT Nga Thành	48	0	45	0	40	0	50	0	56	0	72	0	50	0
		Cộng	303	0	313	0	235	0	299	0	324	0	500	0	323	0
37	Xã Nga Thắng	TYT Nga Phượng	95	0	120	0	84	0	120	0	120	0	105	0	110	0
		TYT Nga Thạch	62	0	60	0	55	0	50	0	45	0	116	0	60	0
		TYT Nga Thắng	50	0	50	0	45	0	50	0	47	0	60	0	47	0
		TYT Nga Văn	65	0	65	0	55	0	70	0	75	0	72	0	70	0
		Cộng	272	0	295	0	239	0	290	0	287	0	353	0	287	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
38	Xã Tân Tiến	TYT Nga Tân	105	0	102	0	79	0	102	0	101	0	107	0	105	0
		TYT Nga Tiến	68	0	69	0	55	0	70	0	72	0	82	0	71	0
		TYT Nga Thái	101	0	94	0	65	0	96	0	98	0	101	0	99	0
		Cộng	274	0	265	0	199	0	268	0	271	0	290	0	275	0
39	Xã Nga Sơn	TYT Nga Thanh	73	0	65	0	60	0	66	0	68	0	87	0	73	0
		TYT Nga Thủy	71	0	71	0	58	0	69	0	68	0	87	0	71	0
		TYT Nga Bạch	86	0	75	0	70	0	65	0	54	0	115	0	76	0
		TYT Nga Trung	60	0	85	0	67	0	69	0	67	0	65	0	60	0
		TYT Nga Yên	65	0	85	0	80	0	85	0	80	0	83	0	70	0
		TYT Nga Sơn	150	0	150	0	135	0	155	0	150	0	320	0	160	0
		Cộng	505	0	531	0	470	0	509	0	487	0	757	0	510	0
40	Xã Trung Chính	TYT Trung Chính	87	0	84	0	84	0	84	0	85		92	0	84	0
		TYT Hoàng Giang	80	0	79	0	78	0	74	0	86		87	0	84	0
		TYT Hoàng Sơn	49	0	47	0	45	0	49	0	52		55	0	52	0
		TYT Tân Phúc	63	0	65	0	63	0	66	0	62		75	0	68	0
		TYT Tân Thọ	63	0	56	0	54	0	53	0	45		83	0	64	0
		TYT Tân Khang	68	0	67	0	67	0	68	0	65		89	0	68	0
		Cộng	410	0	398	0	391	0	394	0	395		481	0	420	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
41	Xã Thăng Lợi	TYT Trung Thành	55	0	57	0	57	0	59	0	58		68	0	64	0
		TYT Tế Nông	110	0	108	0	108	0	103	0	121		100	0	107	0
		TYT Tế Lợi	69	0	70	0	66	0	69	0	71		107	0	68	0
		TYT Tế Thắng	65	0	64	0	64	0	64	0	65		89	0	71	0
		Cộng	299	0	299	0	295	0	295	0	315		364	0	310	0
42	Xã Nông Công	TYT Nông Công	146	0	146	0	146	0	142	0	151		152	0	145	0
		TYT Minh Khôi	62	0	64	0	64	0	65	0	65		60	0	76	0
		TYT Minh Nghĩa	85	0	85	0	81	0	80	0	87		85	0	91	0
		TYT Vạn Thắng	93	0	93	0	90	0	93	0	96		80	0	87	0
		TYT Vạn Hòa	85	0	81	0	81	0	82	0	85		83	0	81	0
		TYT Vạn Thiện	69	0	69	0	69	0	69	0	61		78	0	73	0
		Cộng	540	0	538	0	531	0	531	0	545		538	0	553	0
43	Xã Thăng Bình	TYT Thăng Long	145	0	145	0	145	0	144	0	152		110	0	140	0
		TYT Thăng Thọ	62	0	61	0	61	0	62	0	58		91	0	67	0
		TYT Thăng Bình	85	0	79	0	80	0	87	0	92		113	0	93	0
		Cộng	292	0	285	0	286	0	293	0	302		314	0	300	0
44	Xã Công Chính	TYT Công Chính	95	0	90	0	85	0	95	0	96		108	0	114	0
		TYT Công Liêm	120	0	130	0	120	0	126	0	126		100	0	128	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Yên Mỹ	91	0	92	0	88	0	91	0	83		80	0	91	0
		Cộng	306	0	312	0	293	0	312	0	305		288	0	333	0
45	Xã Tượng Lĩnh	TYT Tượng Văn	62	0	51	0	50	0	64	0	59		81	0	70	0
		TYT Tượng Lĩnh	57	0	61	0	59	0	62	0	62		61	0	68	0
		TYT Tượng Sơn	73	0	75	0	71	0	79	0	80		91	0	81	0
		Cộng	192	0	187	0	180	0	205	0	201		233	0	219	0
46	Xã Trường Văn	TYT Trường Sơn	60	0	51	0	50	0	50	0	55		58	0	64	0
		TYT Trường Giang	84	0	77	0	75	0	81	0	78		110	0	78	0
		TYT Trường Trung	60	0	59	0	55	0	60	0	55		40	0	60	0
		TYT Trường Minh	58	0	57	0	57	0	58	0	54		77	0	60	0
		Cộng	262	0	244	0	237	0	249	0	242		285	0	262	0
47	Xã Quảng Bình	TYT Quảng Bình	94	0	114	0	57	0	95	0	90	0	119	0	94	0
		TYT Quảng Lộc	95	0	100	0	60	0	85	0	84	0	126	0	95	0
		TYT Quảng Lưu	123	0	137	0	73	0	134	0	160	0	160	0	125	0
		TYT Quảng Thái	130	0	130	0	85	0	120	0	115	0	160	0	130	0
		Cộng	442	0	481	0	275	0	434	0	449	0	565	0	444	0
48	Xã Quảng Chính	TYT Quảng Chính	98	0	98	0	70	0	83	0	85	0	132	0	100	0
		TYT Quảng Khê	95	0	103	0	65	0	110	0	101	0	135	0	93	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Quảng Trường	90	0	90	0	65	0	90	0	95	0	120	0	90	0
		TYT Quảng Trung	72	0	86	0	42	0	71	0	75	0	89	0	70	0
		Cộng	355	0	377	0	242	0	354	0	356	0	476	0	353	0
		TYT Quảng Hợp	79	0	90	0	56	0	86	0	80	0	100	0	80	0
49	Xã Quảng Ngọc	TYT Quảng Ngọc	110	0	123	0	69	0	119	0	100	0	170	0	110	0
		TYT Quảng Phúc	78	0	112	0	53	0	89	0	135	0	124	0	78	0
		TYT Quảng Văn	70	0	67	0	38	0	60	0	66	0	96	0	68	0
		Cộng	337	0	392	0	216	0	354	0	381	0	490	0	336	0
		TYT Quảng Hải	120	0	148	0	95	0	139	0	134	0	200	0	118	0
50	Xã Quảng Ninh	TYT Quảng Ninh	83	0	67	0	32	0	73	0	73	0	88	0	83	0
		TYT Quảng Nhân	100	0	110	0	67	0	90	0	95	0	128	0	100	0
		Cộng	303	0	325	0	194	0	302	0	302	0	416	0	301	0
		TYT Quảng Nham	201	0	290	0	241	0	281	0	270	0	309	0	201	0
51	Xã Tiên Trang	TYT Quảng Thạch	111	0	145	0	90	0	145	0	150	0	160	0	110	0
		TYT Tiên Trang	155	0	207	0	207	0	207	0	207	0	220	0	155	0
		Cộng	467	0	642	0	538	0	633	0	627	0	689	0	466	0
		TYT Quảng Hòa	72	0	85	0	57	0	75	0	87	0	103	0	72	0
52	Xã Quảng Yên	TYT Quảng Long	70	0	70	0	35	0	70	0	70	0	98	0	70	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Quảng Trạch	61	0	80	0	35	0	71	0	70	0	88	0	61	0
		TYT Quảng Yên	110	0	110	0	76	0	110	0	110	0	108	0	110	0
		Cộng	313	0	345	0	203	0	326	0	337	0	397	0	313	0
		TYT Quảng Đức	85	0	85	0	48	0	80	0	85	0	137	0	85	0
53	Xã Lưu Vệ	TYT Quảng Định	73	0	90	0	72	0	82	0	87	0	98	0	73	0
		TYT Tân Phong	285	0	345	0	171	0	343	0	335	0	447	0	285	0
		Cộng	443	0	520	0	291	0	505	0	507	0	682	0	443	0
		TYT Xuân Hồng	130	0	110	0	110	0	120	0	115	0	190	0	130	0
54	Xã Thọ Xuân	TYT Xuân Trường	55	0	62	0	62	0	63	0	63	0	50	0	55	0
		TYT Xuân Giang	55	0	65	0	65	0	70	0	70	0	70	0	55	0
		TYT TT Thọ Xuân	95	0	100	0	100	0	105	0	105	0	156	0	97	0
		Cộng	335	0	337	0	337	0	358	0	353	0	466	0	337	0
		TYT Thọ Lộc	70	0	70	0	70	0	70	0	70	0	70	0	70	0
55	Xã Thọ Long	TYT Xuân Phong	60	0	65	0	65	0	60	0	60	0	70	0	60	0
		TYT Nam Giang	127	0	125	0	125	0	127	0	127	0	120	0	127	0
		TYT Bắc Lương	60	0	76	0	76	0	76	0	76	0	79	0	60	0
		TYT Tây Hồ	50	0	60	0	60	0	55	0	55	0	70	0	50	0
		Cộng	367	0	396	0	396	0	388	0	388	0	409	0	367	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
56	Xã Xuân Hòa	TYT Xuân Hòa	55	0	56	0	56	0	55	0	55	0	74	0	55	0
		TYT Thọ Hải	53	0	62	0	60	0	54	0	57	0	104	0	55	0
		TYT Thọ Diên	38	0	39	0	38	0	38	0	38	0	54	0	38	0
		TYT Xuân Hưng	67	0	69	0	66	0	69	0	70	0	84	0	67	0
		Cộng	213	0	226	0	220	0	216	0	220	0	316	0	215	0
57	Xã Sao Vàng	TYT Thọ Lâm	115	0	125	0	125	0	125	0	123	0	129	0	115	0
		TYT Xuân Phú	110	0	120	0	120	0	120	0	120	0	158	0	110	0
		TYT Xuân Sinh	130	0	135	0	135	0	140	0	140	0	184	0	130	0
		TYT TT Sao Vàng	146	0	142	0	142	0	142	0	142	0	221	0	146	0
		Cộng	501	0	522	0	522	0	527	0	525	0	692	0	501	0
58	Xã Thọ Lập	TYT Thọ Lập	45	0	48	0	48	0	48	0	48	0	81	0	45	0
		TYT Thuận Minh	90	0	90	0	90	0	90	0	90	0	105	0	90	0
		TYT Xuân Thiên	100	0	125	0	125	0	120	0	120	0	141	0	100	0
		Cộng	235	0	263	0	263	0	258	0	258	0	327	0	235	0
59	Xã Xuân Tín	TYT Quảng Phú	130	0	145	0	145	0	130	0	130	0	160	0	130	0
		TYT Xuân Tín	25	0	27	0	27	0	25	0	25	0	34	0	25	0
		TYT Phú Xuân	105	0	95	0	95	0	95	0	95	0	106	0	105	0
		Cộng	260	0	267	0	267	0	250	0	250	0	300	0	260	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
60	Xã Lam Sơn	TYT Xuân Bái	116	0	123	0	123	0	71	0	91	0	119	0	117	0
		TYT Thọ Xương	136	0	142	0	142	0	92	0	98	0	140	0	140	0
		TYT TT Lam Sơn	186	0	136	0	136	0	128	0	130	0	240	0	186	0
		Cộng	438	0	401	0	401	0	291	0	319	0	499	0	443	0
61	Xã Xuân Lập	TYT Xuân Lập	110	0	115	0	115	0	110	0	100	0	116	0	110	0
		TYT Xuân Minh	55	0	60	0	60	0	60	0	60	0	75	0	55	0
		TYT Xuân Lai	70	0	70	0	70	0	70	0	65	0	84	0	70	0
		TYT Trường Xuân	145	0	155	0	155	0	155	0	150	0	180	0	145	0
		Cộng	380	0	400	0	400	0	395	0	375	0	455	0	380	0
62	Xã Yên Định	TYT Quán Lào	173	0	190	0	133	0	190	0	180		320	0	173	0
		TYT Định Long	70	0	95	0	70	0	90	0	85		155	0	70	0
		TYT Định Liên	105	0	115	0	91	0	115	0	125		158	0	105	0
		TYT Định Tăng	131	0	165	0	136	0	168	0	171		168	0	131	0
		Cộng	479	0	565	0	430	0	563	0	561		801	0	479	0
63	Xã Định Hòa	TYT Định Hòa	110	0	127	0	84	0	110	0	128		133	0	110	0
		TYT Định Thành	70	0	76	0	72	0	86	0	85		83	0	70	0
		TYT Định Công	36	0	48	0	43	0	52	0	52		92	0	36	0
		TYT Định Bình	74	0	120	0	100	0	110	0	110		110	0	74	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		Cộng	290	0	371	0	299	0	358	0	375		418	0	290	0
64	Xã Định Tân	TYT Định Tân	55	0	88	0	82	0	72	0	90		100	0	55	0
		TYT Định Tiến	95	0	95	0	77	0	90	0	105		102	0	95	0
		TYT Định Hưng	94	0	98	0	75	0	100	0	100		119	0	94	0
		TYT Định Hải	65	0	74	0	57	0	68	0	71		83	0	65	0
		Cộng	309	0	355	0	291	0	330	0	366		404	0	309	0
65	Xã Yên Phú	TYT Yên Tâm	50	0	58	0	54	0	55	0	57		55	0	50	0
		TYT Thống Nhất	66	0	88	0	72	0	74	0	81		92	0	66	0
		TYT Yên Phú	85	0	102		89	0	103	0	132		104	0	85	0
		Cộng	201	0	248	0	215	0	232	0	270		251	0	201	0
66	Xã Quý Lộc	TYT Quý Lộc	118	0	139	0	96	0	138	0	140		140	0	118	0
		TYT Yên Thọ	60	0	59	0	59	0	62	0	59		76	0	60	0
		TYT Yên Lâm	86	0	99	0	67	0	96	0	98		120	0	86	0
		Cộng	264	0	297	0	222	0	296	0	297		336	0	264	0
67	Xã Yên Trường	TYT Yên Trung	68	0	58	0	51	0	61	0	68		68	0	68	0
		TYT Yên Trường	88	0	116	0	103	0	105	0	102		135	0	88	0
		TYT Yên Phong	68	0	70	0	39	0	74	0	65		89	0	68	0
		TYT Yên Thái	59	0	75	0	39	0	73	0	90		77	0	59	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		Cộng	283	0	319	0	232	0	313	0	325		369	0	283	0
68	Xã Yên Ninh	TYT Yên Hùng	58	0	69	0	64	0	68	0	66		76	0	58	0
		TYT Yên Thịnh	61	0	73	0	47	0	71	0	67		81	0	61	0
		TYT Yên Ninh	122	0	145	0	120	0	150	0	140		157	0	122	0
		Cộng	241	0	287	0	231	0	289	0	273		314	0	241	0
69	Xã Tây Đô	TYT Vĩnh Quang	48	0	47	0	45	0	48	0	48	0	70	0	48	0
		TYT Vĩnh Yên	54	0	65	0	65	0	60	0	65	0	93	0	54	0
		TYT Vĩnh Tiến	45	0	50	0	50	0	40	0	50	0	55	0	45	0
		TYT Vĩnh Long	101	0	120	0	93	0	110	0	110	0	159	0	101	0
		Cộng	248	0	282	0	253	0	258	0	273	0	377	0	248	0
70	Xã Vĩnh Lộc	TYT Vĩnh Lộc	90	0	90	0	92	0	92	0	92	0	90	0	90	0
		TYT Vĩnh Phúc	52	0	54	0	46	0	62	0	63	0	90	0	60	0
		TYT Vĩnh Hưng	70	0	67	0	67	0	70	0	67	0	96	0	70	0
		TYT Ninh Khang	99	0	92	0	90	0	93	0	93	0	98	0	99	0
		TYT Vĩnh Hòa	67	0	68	0	68	0	63	0	67	0	83	0	67	0
		Cộng	378	0	371	0	363	0	380	0	382	0	457	0	386	0
71	Xã Biện Thượng	TYT Vĩnh Hùng	90	0	93	0	73	0	90	0	92	0	137	0	90	0
		TYT Minh Tân	140	0	115	0	85	0	110	0	110	0	155	0	140	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Vĩnh Thịnh	98	0	108	0	90	0	110	0	111	0	179	0	97	0
		TYT Vĩnh An	42	0	40	0	40	0	48	0	40	0	64	0	50	0
		Cộng	370	0	356	0	288	0	358	0	353	0	535	0	377	0
		72	Phường Quang Trung	TYT Bắc Sơn	154	0	151	0	137	0	151	0	155	0	250	0
		TYT Quang Trung	100	0	100	0	98	0	105	0	115	0	168	0	100	0
		TYT Ngọc Trạo	103	0	105	0	101	0	103	0	110	0	270	0	103	0
		TYT Phú Sơn	110	0	110	0	110	0	110	0	110	0	180	0	110	0
		Cộng	467	0	466	0	446	0	469	0	490	0	868	0	467	0
73	Phường Bim Sơn	TYT Ba Đình	80	0	71	0	70	0	80	0	80	0	123	0	80	0
		TYT Lam Sơn	88	0	88	0	83	0	88	0	100	0	80	0	88	0
		TYT Đông Sơn	85	0	98	0	95	0	91	0	95	0	165	0	86	0
		TYT Hà Vinh	135	0	142	0	127	0	142	0	145	0	156	0	135	0
		Cộng	388	0	399	0	375	0	401	0	420	0	524	0	389	0
74	Phường Sầm Sơn	TYT Quảng Cư	130	0	194	0	183	0	194	0	200	0	160	0	130	0
		TYT Quảng Tiến	210	0	240	0	230	0	240	0	250	0	360	0	250	0
		TYT Trung Sơn	170	0	221	0	221	0	245	0	224	0	298	0	190	0
		TYT Bắc Sơn	115	0	121	0	110	0	121	0	121	0	226	0	140	0
		TYT Trường Sơn	200	0	232	0	218	0	218	0	234	0	240	0	205	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Quảng Châu	130	0	150	0	145	0	145	0	140	0	141	0	130	0
		TYT Quảng Thọ	115	0	140	0	165	0	140	0	150	0	150	0	140	0
		Cộng	1.070	0	1.298	0	1.272	0	1.303	0	1.319	0	1.575	0	1.185	0
		TYT Quảng Vinh	150	0	170	0	167	0	170	0	170	0	190	0	165	0
75	Phường Nam Sầm Sơn	TYT Quảng Minh	90	0	95	0	90	0	102	0	110	0	110	0	90	0
		TYT Đại Hùng	171	0	215	0	200	0	195	0	195	0	201	0	185	0
		TYT Quảng Giao	62	0	73	0	41	0	80	0	82	0	89	0	64	0
		Cộng	473	0	553	0	498	0	547	0	557	0	590	0	504	0
		TYT Hà Trung	117	0	130	0	114	0	120	0	125	0	142	0	117	0
76	Xã Hà Trung	TYT Yên Sơn	89	0	84	0	75	0	85	0	95	0	140	0	89	0
		TYT Hà Đông	46	0	48	0	43	0	48	0	50	0	68	0	46	0
		TYT Hà Ngọc	43	0	43	0	40	0	48	0	50	0	76	0	45	0
		Cộng	295	0	305	0	272	0	301	0	320	0	426	0	297	0
		TYT Hà Tân	59	0	65	0	48	0	65	0	61	0	98	0	59	0
77	Xã Tống Sơn	TYT Hà Tiến	99	0	115	0	104	0	105	0	105	0	109	0	99	0
		TYT Hà Lĩnh	120	0	130	0	120	0	125	0	130	0	150	0	120	0
		TYT Hà Sơn	63	0	67	0	42	0	71	0	75	0	89	0	63	0
		Cộng	341	0	377	0	314	0	366	0	371	0	446	0	341	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
78	Xã Lĩnh Toại	TYT Hà Hải	50	0	50	0	38	0	50	0	50	0	73	0	50	0
		TYT Hà Châu	50	0	54	0	44	0	54	0	54	0	79	0	50	0
		TYT Lĩnh Toại	48	0	42	0	37	0	48	0	48	0	85	0	48	0
		TYT Thái Lai	98	0	112	0	98	0	98	0	100	0	132	0	98	0
		Cộng	246	0	258	0	217	0	250	0	252	0	369	0	246	0
79	Xã Hoạt Giang	TYT Hà Bình	60	0	61	0	59	0	87	0	95	0	110	0	60	0
		TYT Yên Dương	106	0	102	0	96	0	104	0	103	0	145	0	106	0
		TYT Hoạt Giang	75	0	73	0	62	0	75	0	75	0	133	0	75	0
		Cộng	241	0	236	0	217	0	266	0	273	0	388	0	241	0
80	Xã Hà Long	TYT Hà Long	152	0	143	0	137	0	138	0	146	0	153	0	152	0
		TYT Hà Bắc	95	0	100	0	86	0	92	0	100	0	107	0	95	0
		TYT Hà Giang	52	0	50	0	39	0	55	0	50	0	71	0	52	0
		Cộng	299	0	293	0	262	0	285	0	296	0	331	0	299	0
81	Phường Ngọc Sơn	TYT Thanh Sơn	90	0	95	0	90	0	90	0	95	0	155	0	90	0
		TYT Thanh Thủy	70	0	100	0	85	0	85	0	103	0	140	0	72	0
		TYT Hải Châu	174	0	164	0	112	0	166	0	197	0	226	0	187	0
		TYT Hải Ninh	261	0	261	0	196	0	261	0	261	0	300	0	270	0
		Cộng	595	0	620	0	483	0	602	0	656	0	821	0	619	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
82	Phường Tân Dân	TYT Tân Dân	90	0	108	0	60	0	104	0	89	0	137	0	90	0
		TYT Hải An	58	0	95	0	47	0	99	0	105	0	126	0	59	0
		TYT Ngọc Lĩnh	115	0	120	0	60	0	120	0	120	0	148	0	93	0
		Cộng	263	0	323	0	167	0	323	0	314	0	411	0	242	0
83	Phường Hải Lĩnh	TYT Định Hải	40	0	47	0	17	0	40	0	47	0	77	0	40	0
		TYT Hải Lĩnh	76	0	107	0	45	0	105	0	100	0	146	0	80	0
		TYT Ninh Hải	79	0	95	0	54	0	86	0	108	0	131	0	79	0
		Cộng	195	0	249	0	116	0	231	0	255	0	354	0	199	0
84	Phường Tĩnh Gia	TYT Hải Hòa	172	0	180	0	145	0	171	0	172	0	509	0	172	0
		TYT Hải Nhân	127	0	169	0	100	0	168	0	165	0	205	0	127	0
		TYT Hải Thanh	268	0	316	0	146	0	279	0	318	0	435	0	268	0
		TYT Bình Minh	100	0	120	0	55	0	130	0	110	0	170	0	100	0
		Cộng	667	0	785	0	446	0	748	0	765	0	1.319	0	667	0
85	Phường Đào Duy Từ	TYT Nguyên Bình	180	0	221	0	142	0	212	0	210	0	316	0	181	0
		TYT Xuân Lâm	123	0	132	0	88	0	132	0	135	0	168	0	125	0
		Cộng	303	0	353	0	230	0	344	0	345	0	484	0	306	0
86	Phường Hải Bình	TYT Hải Bình	186	0	210	0	140	0	210	0	205	0	294	0	188	0
		TYT Tĩnh Hải	105	0	110	0	65	0	110	0	110	0	145	0	107	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Mai Lâm	125	0	160	0	100	0	170	0	160	0	160	0	125	0
		Cộng	416	0	480	0	305	0	490	0	475	0	599	0	420	0
		87	Phường Nghi Sơn	TYT Hải Thượng	160	0	192	0	80	0	177	0	170	0	210	0
		TYT Hải Hà	105	105	143	143	71	71	128	128	122	122	156	156	105	105
		TYT Nghi Sơn	97	97	118	118	88	88	116	116	112	112	124	124	101	101
		Cộng	362	202	453	261	239	159	421	244	404	234	490	280	366	206
		88	Phường Trúc Lâm	TYT Tùng Lâm	68	0	86	0	45	0	68	0	95	0	105	0
		TYT Phú Sơn	75	0	88	0	50	0	85	0	85	0	113	0	86	0
		TYT Trúc Lâm	72	0	104	0	61	0	110	0	107	0	152	0	75	0
		TYT Phú Lâm	46	0	84	0	45	0	75	0	85	0	80	0	47	0
		Cộng	261	0	362	0	201	0	338	0	372	0	450	0	278	0
		89	Xã Các Sơn	TYT Anh Sơn	90	0	88	0	48	0	88	0	87	0	92	0
		TYT Các Sơn	173	0	180	0	163	0	184	0	184	0	274	0	185	0
		Cộng	263	0	268	0	211	0	272	0	271	0	366	0	270	0
		90	Xã Trường Lâm	TYT Tân Trường	160	0	190	0	95	0	160	0	160	0	207	0
		TYT Trường Lâm	150	0	180	0	108	0	155	0	135	0	233	0	155	0
		Cộng	310	0	370	0	203	0	315	0	295	0	440	0	315	0
91	Xã Mường Chanh	TYT Mường Chanh	51	0	60	0	60	0	38	0	49	0	67	0	52	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
92	Xã Quang Châu	TYT Quang Châu	62	62	57	57	47	47	48	48	50	50	56	56	63	63
93	Xã Tam Chung	TYT Tam Chung	76	76	85	85	77	77	91	91	70	70	116	116	76	76
94	Xã Mường Lát	TYT Mường Lát	86	86	93	93	60	60	97	97	85	85	130	130	98	98
95	Xã Pù Nhi	TYT Pù Nhi	131	131	136	136	117	117	128	128	173	173	165	165	141	141
96	Xã Nhi Sơn	TYT Nhi Sơn	67	67	72	72	65	65	88	88	72	72	84	84	67	67
97	Xã Trung Lý	TYT Trung Lý	152	152	165	165	130	130	170	170	155	155	205	205	155	155
98	Xã Mường Lý	TYT Mường Lý	137	137	115	115	98	98	129	129	135	135	183	183	139	139
99	Xã Hồi Xuân	TYT Hồi Xuân	90	0	103	0	79	0	99	0	101	0	113	0	90	0
		TYT Phú Nghiêm	22	0	25	0	25	0	27	0	27	0	26	0	22	0
		Cộng	112	0	128	0	104	0	126	0	128	0	139	0	112	0
100	Xã Phú Xuân	TYT Phú Xuân	52	0	61	0	45	0	62	0	65	0	84	0	52	0
101	Xã Phú Lệ	TYT Phú Lệ	20	0	20	0	14	0	21	0	22	0	28	0	20	0
		TYT Phú Thanh	24	0	18	0	12	0	16	0	15	0	33	0	24	0
		TYT Phú Sơn	41	0	48	0	36	0	48	0	45	0	33	0	41	0
		Cộng	85	0	86	0	62	0	85	0	82	0	94	0	85	0
102	Xã Trung Thành	TYT Thành Sơn	25	0	33	0	18	0	29	0	28	0	33	0	25	0
		TYT Trung Thành	30	0	31	0	17	0	29	0	30	0	33	0	30	0
		Cộng	55	0	64	0	35	0	58	0	58	0	66	0	55	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
103	Xã Trung Sơn	TYT Trung Sơn	38	0	49	0	34	0	42	0	43	0	51	0	38	0
104	Xã Hiền Kiệt	TYT Hiền Kiệt	38	0	40	0	39	0	40	0	40	0	50	0	38	0
		TYT Hiền Chung	35	0	36	0	34	0	34	0	41	0	45	0	35	0
		Cộng	73	0	76	0	73	0	74	0	81	0	95	0	73	0
105	Xã Thiên Phú	TYT Thiên Phú	42	0	54	0	53	0	47	0	51	0	56	0	42	0
		TYT Nam Động	29	0	33	0	29	0	30	0	32	0	40	0	29	0
		Cộng	71	0	87	0	82	0	77	0	83	0	96	0	71	0
106	Xã Nam Xuân	TYT Nam Tiến	35	0	37	0	37	0	34	0	38	0	43	0	35	0
		TYT Nam Xuân	27	0	34	0	22	0	23	0	37	0	28	0	27	0
		Cộng	62	0	71	0	59	0	57	0	75	0	71	0	62	0
107	Xã Bá Thước	TYT Cảnh Năng	114	0	119	0	79	0	117	0	110	0	175	0	114	0
		TYT Hạ Trung	26	0	39	0	34	0	35	0	39	0	60	0	26	0
		TYT Ban Công	57	0	68	0	40	0	70	0	66	0	87	0	57	0
		Cộng	197	0	226	0	153	0	222	0	215	0	322	0	197	0
108	Xã Điền Lư	TYT Ái Thượng	57	0	60	0	54	0	54	0	119	0	68	0	57	0
		TYT Điền Lư	79	0	98	0	63	0	84	0	95	0	125	0	79	0
		TYT Điền Trung	100	0	98	0	62	0	91	0	101	0	140	0	100	0
		Cộng	236	0	256	0	179	0	229	0	315	0	333	0	236	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
109	Xã Điện Quang	TYT Điện Quang	66	0	78	0	42	0	79	0	77	0	104	0	66	0
		TYT Điện Thượng	46	0	48	0	33	0	44	0	40	0	59	0	46	0
		TYT Điện Hạ	58	0	66	0	45	0	73	0	56	0	60	0	58	0
		Cộng	170	0	192	0	120	0	196	0	173	0	223	0	170	0
110	Xã Quý Lương	TYT Lương Nội	48	0	54	0	43	0	46	0	50	0	68	0	48	0
		TYT Lương Ngoại	37	0	39	0	20	0	37	0	49	0	36	0	37	0
		TYT Lương Trung	86	0	76	0	48	0	75	0	85	0	114	0	86	0
		Cộng	171	0	169	0	111	0	158	0	184	0	218	0	171	0
111	Xã Thiết Ống	TYT Thiết Ống	92	0	114	0	81	0	92	0	118	0	154	0	92	0
		TYT Thiết Kế	35	0	36	0	27	0	34	0	41	0	39	0	35	0
		Cộng	127	0	150	0	108	0	126	0	159	0	193	0	127	0
112	Xã Văn Nho	TYT Kỳ Tân	41	0	43	0	37	0	37	0	46	0	36	0	41	0
		TYT Văn Nho	59	0	56	0	46	0	58	0	78	0	78	0	59	0
		Cộng	100	0	99	0	83	0	95	0	124	0	114	0	100	0
113	Xã Cỏ Lũng	TYT Lũng Cao	47	0	59	0	43	0	72	0	66	0	66	0	47	0
		TYT Cỏ Lũng	39	0	33	0	23	0	36	0	52	0	56	0	39	0
		Cộng	86	0	92	0	66	0	108	0	118	0	122	0	86	0
114	Xã Pù Luông	TYT Lũng Niêm	31	0	37	0	29	0	37	0	26	0	36	0	31	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Thành Sơn	20	20	23	23	17	17	24	24	28	28	35	35	20	20
		TYT Thành Lâm	36	0	40	0	28	0	34	0	37	0	58	0	36	0
		Cộng	87	20	100	23	74	17	95	24	91	28	129	35	87	20
115	Xã Thường Xuân	TYT Ngọc Phụng	123	0	124	0	98	0	125	0	124	0	164	0	125	0
		TYT Thọ Thanh	85	0	83	0	67	0	81	0	93	0	112	0	86	0
		TYT Xuân Dương	58	0	76	0	65	0	62	0	94	0	104	0	60	0
		TYT Thường Xuân	127	5	121	2	102	2	129	3	127	127	215	2	130	5
		Cộng	393	5	404	2	332	2	397	3	438	127	595	2	401	5
116	Xã Luận Thành	TYT Luận Thành	92	4	107	6	91	6	98	5	91	91	144	14	93	4
		TYT Xuân Cao	82	0	85	0	73	0	85	0	94	0	95	0	83	0
		Cộng	174	4	192	6	164	6	183	5	185	91	239	14	176	4
117	Xã Tân Thành	TYT Tân Thành	66	9	63	9	57	9	65	9	43	43	63	10	67	10
		TYT Luận Khê	72	72	70	70	59	70	71	71	85	85	80	80	73	70
		Cộng	138	81	133	79	116	79	136	80	128	128	143	90	140	80
118	Xã Lương Sơn	TYT Lương Sơn	99	0	124	0	96	0	116	0	96	0	128	0	100	0
119	Xã Bát Mọt	TYT Bát Mọt	50	14	45	11	35	11	50	9	52	52	70	17	51	14
120	Xã Yên Nhân	TYT Yên Nhân	69	12	66	14	50	14	62	24	67	67	96	19	70	11
121	Xã Xuân Chinh	TYT Xuân Lệ	39	0	49	0	38	0	41	0	52	0	59	0	41	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Xuân Chinh	38	16	36	14	31	14	34	13	32	32	47	15	39	16
		Cộng	77	16	85	14	69	14	75	13	84	32	106	15	80	16
122	Xã Thăng Lộc	TYT Xuân Thắng	51	16	57	18	51	18	56	14	50	50	72	32	52	12
		TYT Xuân Lộc	49	14	43	11	37	11	42	11	40	40	67	21	50	14
		Cộng	100	30	100	29	88	29	98	25	90	90	139	53	102	26
123	Xã Vạn Xuân	TYT Vạn Xuân	78	0	80	0	69	0	82	0	78	0	111	0	80	0
124	Xã Thượng Ninh	TYT Thượng Ninh	85	0	89	0	100	0	105	0	130	0	100	0	85	0
		TYT Cát Tân	30	0	41	0	41	0	48	0	31	0	45	0	36	0
		TYT Cát Vân	37	0	44	0	44	0	42	0	38	0	45	0	39	0
		Cộng	152	0	174	0	185	0	195	0	199	0	190	0	160	0
125	Xã Như Xuân	TYT Yên Cát	120	0	120	0	120	0	129	0	150	0	158	0	120	0
		TYT Tân Bình	45	0	42	0	41	0	45	0	62	0	34	0	43	0
		Cộng	165	0	162	0	161	0	174	0	212	0	192	0	163	0
126	Xã Hóa Quý	TYT Hóa Quý	103	0	103	0	103	0	103	0	100	0	131	0	102	0
		TYT Bình Lương	51	0	48	0	48	0	56	0	48	0	47	0	51	0
		Cộng	154	0	151	0	151	0	159	0	148	0	178	0	153	0
127	Xã Xuân Bình	TYT Xuân Bình	71	0	71	0	71	0	93	0	82	0	95	0	71	0
		TYT Bãi Trành	58	0	58	0	58	0	58	0	51	0	74	0	58	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Xuân Hòa	47	0	55	0	44	0	48	0	54	0	62	0	48	0
		Cộng	176	0	184	0	173	0	199	0	187	0	231	0	177	0
128	Xã Thanh Quân	TYT Thanh Quân	73	73	68	68	40	40	76	76	128	128	94	94	73	73
		TYT Thanh Sơn	21	21	32	32	30	30	42	42	60	60	67	67	24	24
		TYT Thanh Xuân	26	0	43	0	43	0	41	0	29	0	44	0	25	0
		Cộng	120	94	143	100	113	70	159	118	217	188	205	161	122	97
129	Xã Thanh Phong	TYT Thanh Phong	48	48	50	50	50	50	52	52	55	55	50	50	48	48
		TYT Thanh Lâm	35	35	39	39	33	33	28	28	36	36	46	46	20	20
		TYT Thanh Hòa	32	32	28	28	28	28	28	28	35	35	41	41	32	32
		Cộng	115	115	117	117	111	111	108	108	126	126	137	137	100	100
130	Xã Xuân Du	TYT Cán Khê	93	0	110	0	110	0	100	0	96	0	148	0	93	0
		TYT Xuân Du	86	0	122	0	122	0	116	0	118	0	139	0	86	0
		TYT Phượng Nghi	80	0	78	0	78	0	80	0	78	0	93	0	80	0
		Cộng	259	0	310	0	310	0	296	0	292	0	380	0	259	0
131	Xã Mậu Lâm	TYT Mậu Lâm	120	0	135	0	135	0	120	0	123	0	135	0	120	0
		TYT Phú Nhuận	140	0	132	0	132	0	146	0	124	0	167	0	140	0
		Cộng	260	0	267	0	267	0	266	0	247	0	302	0	260	0
132	Xã Như Thanh	TYT Xuân Khang	101	0	112	0	112	0	105	0	108	0	140	0	101	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Hải Long	80	0	90	0	90	0	90	0	90	0	94	0	80	0
		TYT Bến Sung	142	0	143	0	143	0	145	0	158	0	157	0	142	0
		Cộng	323	0	345	0	345	0	340	0	356	0	391	0	323	0
133	Xã Xuân Thái	TYT Xuân Thái	74	0	72	0	72	0	71	0	82	0	72	0	74	0
134	Xã Thanh Kỳ	TYT Thanh Tân	90	0	95	0	95	0	98	0	95	0	136	0	90	0
		TYT Thanh Kỳ	72	0	67	0	67	0	79	0	78	0	76	0	72	0
		Cộng	162	0	162	0	162	0	177	0	173	0	212	0	162	0
135	Xã Yên Thọ	TYT Xuân Phúc	96	0	82	0	82	0	101	0	102	0	112	0	96	0
		TYT Yên Lạc	80	0	90	0	90	0	83	0	88	0	98	0	80	0
		TYT Yên Thọ	133	0	135	0	135	0	140	0	143	0	172	0	133	0
		Cộng	309	0	307	0	307	0	324	0	333	0	382	0	309	0
136	Xã Thạch Quảng	TYT Thạch Lâm	36	0	34	0	25	0	37	0	36	0	52	0	36	0
		TYT Thạch Tượng	32	0	32	0	23	0	30	0	28	0	51	0	38	0
		TYT Thạch Quảng	96	0	105	0	68	0	71	0	78	0	130	0	96	0
		Cộng	164	0	171	0	116	0	138	0	142	0	233	0	170	0
137	Xã Thạch Bình	TYT Thạch Cẩm	118	0	116	0	94	0	135	0	134	0	166	0	121	0
		TYT Thạch Sơn	96	0	96	0	83	0	96	0	98	0	133	0	104	0
		TYT Thạch Bình	121	0	110	0	82	0	118	0	115	0	130	0	121	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Thạch Long	133	0	150	0	73	0	140	0	152	0	172	0	133	0
		Cộng	468	0	472	0	332	0	489	0	499	0	601	0	479	0
138	Xã Thành Vinh	TYT Thành Yên	25	0	38	0	22	0	27	0	33	0	50	0	28	0
		TYT Thành Mỹ	58	0	77	0	55	0	65	0	73	0	102	0	62	0
		TYT Thành Vinh	70	0	84	0	40	0	83	0	82	0	110	0	70	0
		TYT Thành Minh	116	0	103	0	58	0	99	0	104	0	103	0	116	0
		Cộng	269	0	302	0	175	0	274	0	292	0	365	0	276	0
139	Xã Vân Du	TYT Thành Công	50	0	64	0	37	0	56	0	56	0	77	0	50	0
		TYT Thành Tân	91	0	88	0	49	0	81	0	95	0	129	0	91	0
		TYT TT Vân Du	105	0	130	0	95	0	130	0	125	0	140	0	110	0
		Cộng	246	0	282	0	181	0	267	0	276	0	346	0	251	0
140	Xã Ngọc Trạo	TYT Thành An	42	0	47	0	36	0	44	0	50	0	70	0	45	0
		TYT Thành Tâm	82	0	92	0	78	0	93	0	81	0	122	0	82	0
		TYT Ngọc Trạo	61	0	62	0	48	0	61	0	63	0	76	0	62	0
		TYT Thành Long	98	0	110	0	98	0	100	0	110	0	140	0	98	0
		Cộng	283	0	311	0	260	0	298	0	304	0	408	0	287	0
141	Xã Kim Tân	TYT Thành Thọ	57	0	62	0	36	0	65	0	68	0	95	0	60	0
		TYT TT Kim Tân	110	0	152	0	109	0	152	0	150	0	165	0	110	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Thành Hưng	50	0	58	0	45	0	56	0	58	0	63	0	50	0
		TYT Thành Tiến	46	0	57	0	33	0	59	0	55	0	86	0	48	0
		TYT Thành Trực	68	0	73	0	51	0	73	0	80	0	96	0	70	0
		TYT Thạch Định	42	0	45	0	23	0	45	0	48	0	50	0	42	0
		Cộng	373	0	447	0	297	0	450	0	459	0	555	0	380	0
		142	Xã Ngọc Lặc	TYT Mỹ Tân	63	0	65	0	65	0	57	0	58	0	65	0
TYT Thúy Sơn	96			0	110	0	110	0	98	0	102	0	108	0	96	0
TYT Ngọc Lặc	286			0	220	0	220	0	217	0	298	0	350	0	286	0
Cộng	445			0	395	0	395	0	372	0	458	0	523	0	445	0
143	Xã Thạch Lập	TYT Đồng Thịnh	41	0	36	0	36	0	38	0	41	0	56	0	41	0
		TYT Quang Trung	110	0	110	0	110	0	92	0	102	0	107	0	110	0
		TYT Thạch Lập	68	0	68	0	68	0	65	0	70	0	70	0	68	0
		Cộng	219	0	214	0	214	0	195	0	213	0	233	0	219	0
144	Xã Nguyệt Ân	TYT Vân Am	76	0	78	0	78	0	105	0	63	0	80	0	76	0
		TYT Nguyệt Ân	142	0	119	0	119	0	115	0	195	0	163	0	142	0
		TYT Phùng Giáo	48	0	45	0	45	0	45	0	50	0	60	0	48	0
		Cộng	266	0	242	0	242	0	265	0	308	0	303	0	266	0
145	Xã Ngọc Liên	TYT Cao Thịnh	63	0	72	0	72	0	76	0	70	0	70	0	63	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		TYT Lộc Thịnh	35	0	40	0	40	0	42	0	58	0	43	0	35	0
		TYT Ngọc Sơn	76	0	68	0	68	0	64	0	51	0	57	0	76	0
		TYT Ngọc Liên	79	0	100	0	100	0	83	0	98	0	85	0	79	0
		TYT Ngọc Trung	80	0	100	0	100	0	80	0	90	0	80	0	80	0
		Cộng	333	0	380	0	380	0	345	0	367	0	335	0	333	0
146	Xã Kiên Thọ	TYT Phùng Minh	45	0	52	0	52	0	52	0	53	0	50	0	45	0
		TYT Kiên Thọ	150	0	90	0	90	0	135	0	108	0	164	0	150	0
		TYT Phúc Thịnh	50	0	67	0	67	0	67	0	67	0	70	0	50	0
		Cộng	245	0	209	0	209	0	254	0	228	0	284	0	245	0
147	Xã Minh Sơn	TYT Cao Ngọc	67	0	82	0	82	0	62	0	59	0	70	0	67	0
		TYT Lam Sơn	45	0	55	0	55	0	50	0	36	0	30	0	45	0
		TYT Minh Sơn	126	0	128	0	128	0	131	0	132	0	162	0	126	0
		TYT Minh Tiến	80	0	65	0	65	0	75	0	90	0	82	0	80	0
		Cộng	318	0	330	0	330	0	318	0	317	0	344	0	318	0
148	Xã Cẩm Thạch	TYT Cẩm Thành	81	0	85	0	56	0	80	0	80	0	111	0	81	0
		TYT Cẩm Thạch	54	0	66	0	33	0	74	0	76	0	96	0	56	0
		TYT Cẩm Liên	54	0	58	0	35	0	58	0	53	0	55	0	55	0
		TYT Cẩm Bình	100	0	114	0	55	0	108	0	135	0	170	0	101	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
		Cộng	289	0	323	0	179	0	320	0	344	0	432	0	293	0
149	Xã Cẩm Thủy	TYT Phong Sơn	250	0	267	0	238	0	259	0	276	0	338	0	249	0
		TYT Cẩm Ngọc	75	0	75	0	37	0	76	0	85	0	118	0	90	0
		Cộng	325	0	342	0	275	0	335	0	361	0	456	0	339	0
150	Xã Cẩm Vân	TYT Cẩm Châu	70	0	76	0	59	0	74	0	76	0	80	0	72	0
		TYT Cẩm Tâm	37	0	43	0	15	0	58	0	37	0	66	0	40	0
		TYT Cẩm Yên	42	0	43	0	23	0	46	0	40	0	55	0	43	0
		TYT Cẩm Vân	85	0	90	0	69	0	94	0	94	0	104	0	86	0
		Cộng	234	0	252	0	166	0	272	0	247	0	305	0	241	0
151	Xã Cẩm Tân	TYT Cẩm Tân	80	0	82	0	72	0	75	0	78	0	90	0	82	0
		TYT Cẩm Phú	71	0	81	0	54	0	82	0	82	0	91	0	71	0
		TYT Cẩm Long	70	0	88	0	35	0	76	0	91	0	107	0	72	0
		Cộng	221	0	251	0	161	0	233	0	251	0	288	0	225	0
152	Xã Cẩm Tú	TYT Cẩm Giang	47	0	60	0	31	0	69	0	65	0	93	0	49	0
		TYT Cẩm Tú	82	0	83	0	55	0	84	0	95	0	113	0	81	0
		TYT Cẩm Quý	106	0	116	0	58	0	119	0	128	0	151	0	107	0
		TYT Cẩm Lương	25	0	31	0	16	0	35	0	36	0	37	0	25	0
		Cộng	260	0	290	0	160	0	307	0	324	0	394	0	262	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
153	Xã Yên Khương	TYT Yên Khương	54	54	70	70	70	70	46	46	58	58	78	78	54	54
154	Xã Yên Thắng	TYT Yên Thắng	65	0	50	0	50	0	68	0	68	0	60	0	65	0
155	Xã Linh Sơn	TYT Lang Chánh	118	0	118	0	118	0	116	0	105	0	160	0	118	0
		TYT Trí Nang	31	0	34	0	34	0	31	0	35	0	29	0	31	0
		Cộng	149	0	152	0	152	0	147	0	140	0	189	0	149	0
156	Xã Giao An	TYT Giao An	30	0	28	0	28	0	32	0	24	0	28	0	30	0
		TYT Giao Thiện	55	0	54	0	54	0	54	0	56	0	67	0	55	0
		Cộng	85	0	82	0	82	0	86	0	80	0	95	0	85	0
157	Xã Đồng Lương	TYT Đồng Lương	57	0	57	0	57	0	50	0	50	0	71	0	57	0
		TYT Tân Phúc	60	0	63	0	63	0	47	0	55	0	77	0	60	0
		Cộng	117	0	120	0	120	0	97	0	105	0	148	0	117	0
158	Xã Văn Phú	TYT Tam Văn	39	0	34	0	34	0	40	0	50	0	38	0	39	0
		TYT Lâm Phú	43	0	38	0	38	0	54	0	42	0	57	0	43	0
		Cộng	82	0	72	0	72	0	94	0	92	0	95	0	82	0
159	Xã Trung Hạ	TYT Trung Xuân	18	0	20	0	20	0	17	0	23	0	37	0	17	0
		TYT Trung Hạ	53	0	56	0	49	0	53	0	46	0	47	0	60	0
		TYT Trung Tiến	26	0	35	0	30	0	22	0	40	0	59	0	22	0
		Cộng	97	0	111	0	99	0	92	0	109	0	143	0	99	0

TT	Xã/Phường	Trạm y tế trên địa bàn xã/phường	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng tiêm DPT		Trẻ 18 tháng tiêm MR**		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
			Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 2 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng tiêm 3 mũi	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *	Số đối tượng	Trong đó số ĐT vùng khó khăn *
160	Xã Quan Sơn	TYT Trung Thương	32	6	31	8	29	8	29	4	30	30	27	6	34	2
		TYT Sơn Lư	53	13	46	11	39	9	53	15	54	54	116	18	50	9
		Cộng	85	19	77	19	68	17	82	19	84	84	143	24	84	11
161	Xã Tam Lư	TYT Sơn Hà	26	0	22	0	22	0	26	0	20	0	29	0	35	0
		TYT Tam Lư	36	0	44	0	15	0	40	0	38	0	45	0	48	0
		Cộng	62	0	66	0	37	0	66	0	58	0	74	0	83	0
162	Xã Tam Thanh	TYT Tam Thanh	36	10	49	9	45	7	32	4	33	33	44	9	35	8
163	Xã Sơn Điện	TYT Sơn Điện	46	8	54	9	54	9	49	10	52	52	88	9	38	8
164	Xã Mường Mìn	TYT Mường Mìn	25	0	22	0	22	0	16	0	25	0	57	0	32	0
165	Xã Sơn Thủy	TYT Sơn Thủy	40	40	49	49	46	46	48	48	38	38	75	75	41	41
166	Xã Na Mèo	TYT Na Mèo	52	52	43	43	38	38	51	51	52	52	62	62	51	51